

Bản án số: 44/2017/DS-ST
Ngày: 13/12/2017
“V/v tranh chấp đòi quyền sử dụng đất
và bồi thường thiệt hại về tài sản ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Nguyễn Thành Dân

2/. Ông Nguyễn Tấn Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Lai Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2017/TLST-DS, ngày 06 tháng 6 năm 2017 về: “*Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89 /2017/QĐXX-ST ngày 03 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73 /2017/QĐXX-ST ngày 21 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Lê Văn K, sinh 1943 (có mặt)

1.2. Bà Nguyễn Thị N, sinh 1947 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 45, ấp Phú T, thị trấn Phú L, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Trung B, sinh 1969 (có mặt)

2.2. Bà Trịnh Út L, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 52, ấp Phú T, thị trấn Phú L, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị V, sinh 1974 (vắng mặt)

3.2. Bà Lê Thị N, sinh 1998 (vắng mặt)

3.3. Ông Trịnh Văn B, sinh 1936 (vắng mặt), có đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 26/10/2017.

Cùng địa chỉ: Ấp Phú T, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 5 năm 2017 và lời trình bày của các nguyên đơn trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, vụ án có nội dung như sau:

Các nguyên đơn có 02 thửa đất: Thửa số 30 tờ bản đồ số 99 diện tích 3.860 m² loại đất ở và cây lâu năm, thửa số 01 tờ bản đồ số 98 diện tích 2.307,3 m² đất trồng rẫy, tọa lạc tại ấp Phú T, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào khoảng năm 1992-1993 đến ngày 09/9/2015 được cấp lại do các nguyên đơn đứng tên.

Vào năm 1998 các nguyên đơn cho các bị đơn mượn một phần đất cất nhà ở tại thửa 30 khi cho mượn không có đo đạc thực tế và không có làm giấy tờ, hiện nay các bị đơn đang sử dụng khoảng 450 m². Đến năm 2008 các nguyên đơn cho các bị đơn mượn khoảng 1.800 m² đất ruộng sau đó các bị đơn ủi đất lên trồng rẫy. Trong quá trình sử dụng đất các bị đơn đã đốn của các nguyên đơn 22 cây bạch đàn trồng trên bờ kênh.

Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn trả lại 02 phần đất đã cho mượn là 452,5 m² thửa số 30 tờ bản đồ số 99 và 1.815,6 m² thửa số 01 tờ bản đồ số 98 tọa lạc ấp Phú T, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng và bồi thường 22 cây bạch đàn với số tiền là 2.200.000 đồng cho các nguyên đơn.

Đến ngày 26/9/2017 các nguyên đơn rút lại yêu cầu bồi thường 2.200.000 đồng do các bị đơn đốn 22 cây bạch đàn của các nguyên đơn.

Tại các tờ tường trình ngày 22/6/2017, ngày 06/7/2017 và tại các biên bản lấy lời khai ngày 29/6/2017, ngày 10/10/2017 bị đơn Lê Trung B trình bày: Vào ngày 8/2/1998 cha mẹ cho phần đất khoảng 400 m² và tách hộ khẩu cho vợ chồng bị đơn, vợ chồng bị đơn cất nhà ở từ đó đến nay khi cho không có làm giấy tờ không có đo đạc cụ thể, lúc cho là đất cây lâu năm sau đó vợ chồng bị đơn bồi đắp thêm. Đến năm 2008 cha mẹ cho khoảng 02 công đất ruộng khi cho cũng không có đo đạc và không có làm giấy tờ, sau khi cha mẹ cho phần đất ruộng vợ chồng bị đơn mượn xe ủi đất lên trồng rẫy, sau khi ủi đất lên cha mẹ lấy lại một phần hiện vợ chồng bị đơn còn sử dụng khoảng 1.800 m², chi phí ủi đất 02 lần là 18.000.000 đồng. Hiện nay hai phần đất trên do cha mẹ đứng tên quyền sử dụng đất.

Do hiện nay vợ chồng bị đơn không có phần đất nào để ở nên bị đơn đề nghị cho vợ chồng bị đơn được ổn định phần đất đang ở hiện nay, còn phần đất trồng rẫy bị đơn yêu cầu được ổn định sử dụng bị đơn đồng ý trả cho các nguyên đơn 40.000.000 đồng, còn đối với yêu cầu bồi thường 22 cây bạch đàn với giá 2.200.000 đồng của các nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý vì bạch đàn này trồng trên đất của bà Lê Thị V, bà V đồng ý cho bị đơn đốn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/10/2017 bị đơn Trịnh Út L trình bày: Vào năm 1998 cha mẹ cho đất cất nhà ở, khi cho không có làm giấy tờ, không có đo đạc,

sau đó cha mẹ cho phần đất ruộng vợ chồng bị đơn ủi đất lên trồng rẫy, sau khi ủi lên cha mẹ lấy một phần còn lại vợ chồng bị đơn sử dụng khoảng 02 công, ủi lên lần đầu vào năm 2004, lần thứ hai vào năm 2016, chi phí hai lần ủi và lấp mương là 18.000.000 đồng. Bị đơn không đồng ý trả đất ở vì đất này các nguyên đơn cho chứ không phải cho mượn, còn phần đất trồng rẫy bị đơn yêu cầu được sử dụng bị đơn trả 40.000.000 đồng cho các nguyên đơn.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị V và Lê Thị N sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã ra thông báo số 168a/TB-TA V/V đưa người tham gia tố tụng ngày 16/8/2017 và đã tổng đạt hợp lệ nhưng các người liên quan không có văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/10/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Văn B trình bày: Trên phần đất trồng rẫy đang tranh chấp giữa ông K và ông B có 02 ngôi mộ là của cha mẹ ông chôn vào năm 1987, hiện nay ông là người quản lý hai ngôi mộ này, do mẹ ông là bà ngoại ní của ông K, nên khi mẹ ông mất ông K cho chôn trên phần đất này. Khi nào ông K hoặc ông B có yêu cầu di dời 02 ngôi mộ này thì ông sẽ di dời.

Tòa án đã ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đã tổng đạt hợp lệ 02 lần cho các bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị V, Lê Thị N nhưng các bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị V, Lê Thị N đều vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án căn cứ vào Khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố Tụng Dân sự lập biên bản không tiến hành hòa giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Quan điểm của Viện kiểm sát như sau: Từ khi thụ lý đến kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn buộc các bị đơn trả 1.824,8 m² đất trồng rẫy cho các nguyên đơn, Ổn định diện tích 596,5 m² cho các bị đơn sử dụng buộc các bị đơn trả giá trị đất cho các nguyên đơn. Ghi nhận sự tự nguyện của các nguyên đơn trả chi phí ủi đất từ đất trồng lúa lên đất trồng rẫy cho các bị đơn là 8.937.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn giao trả lại đất cho mượn và đòi bồi thường thiệt hại về tài sản, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ kiện là tranh chấp đòi quyền sử dụng đất cho mượn và đòi bồi thường thiệt hại về tài sản theo qui định tại Khoản 6, 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự; phần đất tranh chấp và địa chỉ của các bị đơn tại ấp Phú T, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại Khoản 1 Điều 35, Điểm a, c Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố Tụng Dân sự.

[2] Bị đơn Trịnh Út L và các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị V, Lê Thị N đã được triệu tập họp lệ hai lần tham gia xét xử nhưng bị đơn và các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị V, Lê Thị N đều vắng mặt không có lý do không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, còn người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trịnh Văn B có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn Trịnh Út L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên.

[3] Theo đơn khởi kiện ngày 08/5/2017 của các nguyên đơn thì các bị đơn trong vụ kiện là Lê Trung B và Trịnh Thị Út L, nhưng bị đơn L xác định tên đúng của bị đơn và theo giấy chứng minh nhân dân là Trịnh Út L. Do đó, Hội đồng xét xử xác định bị đơn trong vụ kiện là Lê Trung B và Trịnh Út L.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy: nguồn gốc 02 thửa đất đang tranh chấp là của các nguyên đơn, các nguyên đơn đã sử dụng từ trước năm 1975 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp theo qui định của pháp luật, vào năm 1998 các nguyên đơn cho các bị đơn mượn một phần đất thuộc thửa 30 tờ bản đồ số 99 để xây nhà ở, đến năm 2008 các nguyên đơn cho các bị đơn mượn khoảng 02 công đất thuộc thửa số 01 tờ bản đồ số 98 là đất trồng lúa, sau khi cho mượn thì các bị đơn mượn xe ủi đất lên trồng rẫy, các lần cho mượn không có đo đạc cụ thể, không có làm giấy tờ và cũng không thỏa thuận thời gian trả lại đất. Trong quá trình giải quyết vụ án các bị đơn cũng như tại phiên tòa bị đơn Lê Trung B thừa nhận là đất của các nguyên đơn, sự thừa nhận này của các bị đơn là tình tiết không phải chứng minh theo qui định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nhưng các bị đơn cho rằng hai phần đất trên là các nguyên đơn cho các bị đơn sử dụng, các bị đơn yêu cầu được ổn định phần đất đang cất nhà ở còn phần phần đất trồng rẫy các bị đơn yêu cầu được tiếp tục sử dụng các bị đơn trả giá trị bằng tiền là 40.000.000 đồng cho các nguyên đơn. Các nguyên đơn không thừa nhận lời trình bày này của các bị đơn và không đồng ý theo yêu cầu của các bị đơn. Các Bị đơn cho rằng các nguyên đơn cho đất bị đơn nhưng các nguyên đơn không thừa nhận, không có làm giấy tờ cho đất, quyền sử dụng đất hiện nay vẫn do các nguyên đơn đứng tên khi các nguyên đơn đăng ký được cấp lại lần 2 vào ngày 09/9/2015 các bị đơn biết nhưng không phản đối hay có ý kiến gì, tại phiên tòa bị đơn B thừa nhận việc này. Ngoài ra, theo qui định tại Điều 467 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 459 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì việc cho tặng bất động sản phải lập thành văn bản có công chứng, chứng thực và phải đăng ký, hợp đồng tặng cho có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký. Nên hai phần đất trên vẫn thuộc quyền quản lý sử dụng hợp pháp của các nguyên đơn. Do đó, yêu cầu đòi lại đất của các nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[4.1] Tại phiên tòa các nguyên đơn thay đổi một phần đơn khởi kiện là đối với phần đất ở thuộc thửa 30 tờ bản đồ số 99 các nguyên đơn đồng ý ổn định cho các bị đơn sử dụng vì các bị đơn không có đất nào khác để ở, yêu cầu các bị đơn trả giá trị

bằng tiền theo diện tích đo đạc thực tế là 596,5 m², giá đất theo biên bản định giá ngày 10/9/2017 của Tòa án. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu này của các nguyên đơn là không vượt phạm vi khởi kiện ban đầu, là sự tự nguyện của các nguyên đơn, phù hợp với qui định của pháp luật, có lợi cho các bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của các nguyên đơn ổn định cho các bị đơn sử dụng 596,5 m² thuộc thửa 30 tờ bản đồ số 99 tọa lạc ấp Phú T, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng. Có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp kênh Trịnh Văn B có số đo: 20,1 m
- Hướng Tây giáp phần đất thửa số 30 còn lại do ông K và bà N sử dụng có số đo: 20,1 m
- Hướng Nam giáp phần đất thửa số 30 còn lại do ông K và bà N sử dụng có số đo: 30 m
- Hướng Bắc giáp đất bà Lê Thị V có số đo: 30 m

Đồng thời, buộc các bị đơn trả giá trị đất cho các nguyên đơn, giá trị đất được tính như sau: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các nguyên đơn được cấp thửa 30 tờ bản đồ số 99 có diện tích là 3.860 m² trong đó, đất ở 200 m², đất trồng cây lâu năm 3.660 m² qua thẩm định thực tế các bị đơn đang sử dụng 596,5 m² phần còn lại các nguyên đơn sử dụng. Đối với phần đất ở được xác định các nguyên đơn và các bị đơn mỗi bên sử dụng 50% là 100 m². Nên các bị đơn trả giá trị sử dụng 100 m² đất ở và 496,4 m² đất trồng cây lâu năm, giá trị đất tính theo biên bản định giá ngày 10/9/2017 thì đất ở giá là 400.000 đồng/m², đất trồng cây lâu năm giá là 40.000 đồng/m², tại phiên tòa các nguyên đơn và bị đơn đều đồng ý theo kết quả định giá này. Nên các bị đơn phải trả cho các nguyên đơn tổng giá trị là: (100 m² x 400.000 đồng = 40.000.000 đồng) + 496,5 m² x 40.000 đồng = 19.860.000 đồng) tổng cộng là: 59.860.000 đồng. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[4.2] Đối với phần đất trồng rẫy các nguyên đơn yêu cầu các bị đơn giao trả lại cho các nguyên đơn, còn các bị đơn yêu cầu được tiếp tục sử dụng các bị đơn trả giá trị bằng tiền là 40.000.000 đồng cho các nguyên đơn, nhưng các nguyên đơn không đồng ý nên yêu cầu này của các bị đơn không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, cần buộc các bị đơn giao trả cho các nguyên đơn 1.824,8 m² đất thuộc thửa số 01, tờ bản đồ số 98, tọa lạc ấp Phú T, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng. Có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đất bà Lê Thị V và ông Trịnh Văn B có số đo: (26,8 m + 5,2 m + 22,7 m)
- Hướng Tây giáp đất bà Lê Thị V có số đo: 47 m
- Hướng Nam giáp phần đất thửa số 01 còn lại do ông K và bà N sử dụng có số đo: 37,2 m

- Hướng Bắc giáp bờ kênh thủy lợi có số đo: 36,48 m

Các bị đơn tự đốn 03 cây bạch đàn khi giao trả đất

[4.3] Tại phiên tòa bị đơn B yêu cầu nếu trả phần đất trồng rẫy cho các nguyên đơn thì các nguyên đơn phải trả lại tiền mượn xe ủi đất từ đất trồng lúa lên đất trồng rẫy khoảng 13.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng cho các bị đơn, nhưng bị đơn không chứng minh được số tiền này còn các nguyên đơn cho rằng khi các bị đơn mượn xe ủi đất chi phí lúc đó chỉ 5.000.000 đồng các nguyên đơn đã đưa cho các bị đơn 3.000.000 đồng để trả, các bị đơn đã sử dụng và hưởng lợi trên phần đất này 10 năm nay nên không đồng ý trả theo yêu cầu này của bị đơn. Do đó, yêu cầu này của các bị đơn là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Tuy nhiên, tại phiên tòa các nguyên đơn đồng ý hỗ trợ chi trả tiền ủi đất từ đất trồng lúa lên đất trồng rẫy cho các bị đơn là 8.937.000 đồng. xét thấy việc đồng ý hỗ trợ chi trả tiền ủi đất cho các bị đơn là sự tự nguyện của các nguyên đơn, phù hợp với qui định của pháp luật, có lợi cho các bị đơn, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của các nguyên đơn. Đồng thời, buộc các nguyên đơn trả chi phí ủi đất là 8.937.000 đồng cho các bị đơn. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[4.4] Tại phiên tòa các nguyên đơn yêu cầu các bị đơn trả lại 58.000.000 đồng là số tiền trước đây các nguyên đơn cất nhà cho các bị đơn khi ra ở riêng, bị đơn không đồng ý yêu cầu này của các nguyên đơn. Xét thấy, yêu cầu này của các nguyên đơn là vượt phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết theo qui định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Ngày 26/9/2017 các nguyên đơn có đơn xin rút lại một phần đơn khởi kiện là rút lại yêu cầu các bị đơn bồi thường thiệt hại về tài sản là 2.200.000 đồng và tại phiên tòa các nguyên đơn cũng đồng ý rút lại yêu cầu này. Xét thấy: Việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự đình chỉ yêu cầu này của các nguyên đơn.

[6] Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trịnh Văn B, nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 20/10/2017 của ông Trịnh Văn Bò được công bố tại phiên tòa, ông Trịnh Văn B cho rằng 02 ngôi mộ chôn trên phần đất rẫy đang tranh chấp giữa ông K và ông B là mộ của cha và mẹ ông là ông Trịnh Văn Q và bà Nguyễn Thị V chôn từ năm 1987 đến nay, do đất của gia đình ở xa nên khi mẹ ông mất thì ông K cho chôn trên đất này do mẹ của ông là bà ngoại ní của ông K. Nếu ông K hoặc ông B đồng ý cho tiếp tục duy trì thì ông ổn định hai ngôi mộ như hiện nay, nếu không cho tiếp tục duy trì thì ông sẽ di dời hai ngôi mộ di nơi khác. Tại phiên tòa các nguyên đơn đồng ý cho tiếp tục duy trì hai ngôi mộ như hiện nay. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các nguyên đơn cho ông Trịnh Văn B ổn định hai ngôi mộ của ông Trịnh Văn Q và Nguyễn Thị V trên phần đất thuộc thửa

số 01, tờ bản đồ số 98, tọa lạc ấp Phú T, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng

[7] Đối với chi phí thẩm định đo đạc và định giá là: 8.937.000 đồng các nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước là: 15.019.000 đồng, các nguyên đơn được nhận lại số tiền nộp thừa là: 6.082.000 đồng. Tại phiên tòa các nguyên đơn yêu cầu các bị đơn phải chịu chi phí thẩm định đo đạc và định giá, do yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải nộp chi phí thẩm định đo đạc và định giá là: 8.937.000 đồng (tám triệu chín trăm ba mươi bảy ngàn đồng) để hoàn trả cho các nguyên đơn.

[8] Do yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải án phí dân sự sơ thẩm là 600.000 đồng, các nguyên đơn phải chịu (8.937.000 đồng x 5%) là 447.000 đồng (đã được làm tròn số) án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Khoản 2, 5 Điều 26, Khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 362/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 6, 9 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Điểm a,c Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 207; Khoản 1 Điểm a, d Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 166; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, Điều 166, 203 Luật đất đai, Khoản 2, 5 Điều 26, Khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 362/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Lê Văn K và Nguyễn Thị N

1/. Buộc các bị đơn Lê Trung B và Trịnh Út L giao trả cho các nguyên đơn 1.824,8 m² đất thuộc thửa số 01, tờ bản đồ số 98, tọa lạc ấp Phú T, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng. Có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đất bà Lê Thị V và ông Trịnh Văn B có số đo:(26,8 m + 5,2 m + 22,7 m)

- Hướng Tây giáp đất bà Lê Thị V có số đo: 47 m

- Hướng Nam giáp phần đất thửa số 01 còn lại do ông K và bà N sử dụng có số đo: 37,2 m

- Hướng Bắc giáp bờ kênh thủy lợi có số đo: 36,48 m

Các bị đơn tự đốn 03 cây bạch đàn khi giao trả đất.

2/. Ổn định cho các bị đơn Lê Trung B và Trịnh Út L sử dụng phần đất đang ở với diện tích là 596,3 m² thuộc thửa 30, tờ bản đồ số 99 tọa lạc Phú T, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng. Có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp kênh Trịnh Văn B có số đo: 20,1 m

- Hướng Tây giáp phần đất thửa số 30 còn lại do ông K và bà N sử dụng có số đo: 20,1 m

- Hướng Nam giáp phần đất thửa số 30 còn lại do ông K và bà N sử dụng có số đo: 30 m

- Hướng Bắc giáp đất bà Lê Thị V có số đo: 30 m

(có sơ đồ kèm theo)

3/. Buộc các bị đơn liên đới trả tiền giá trị đất là 59.860.000 đồng (năm mươi chín triệu tám trăm sáu mươi ngàn đồng) cho các nguyên đơn.

4/. Buộc các nguyên đơn liên đới trả chi phí ủ đất từ đất ruộng lên đất trồng rẫy là 8.937.000 đồng (tám triệu chín trăm ba mươi bảy ngàn đồng) cho các bị đơn.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5/. Đình chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản 22 cây bạch đàn với số tiền là: 2.200.000 đồng của các nguyên đơn.

6/. Ghi nhận sự tự nguyện của các nguyên đơn cho ông Trịnh Văn B ổn định hai ngôi mộ của ông Trịnh Văn Q và Nguyễn Thị V trên phần đất thuộc thửa số 01, tờ bản đồ số 98, tọa lạc ấp Phú T, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

7/. Các bị đơn phải nộp 8.937.000 đồng (tám triệu chín trăm ba mươi bảy ngàn đồng) chi phí thẩm định, định giá. Hoàn trả cho các nguyên đơn 15.019.000 đồng (mười lăm triệu không trăm mười chín ngàn đồng) tiền tạm ứng chi phí thẩm định, định giá đã nộp.

8/. Án phí dân sự sơ thẩm: Các bị đơn Lê Trung B và Trịnh Út L phải chịu 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng), các nguyên đơn Lê Văn K và Nguyễn Thị N phải chịu án phí sơ thẩm dân sự là: 447.000 đồng (bốn trăm bốn mươi bảy ngàn đồng) được khấu trừ số tiền đã nộp 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng), các nguyên đơn được nhận lại số tiền còn thừa là: 153.000 đồng (một trăm năm mươi ba ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005893 ngày 31/5/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn Trịnh Út L và các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh T;
- Chi cục THADS huyện Thạnh T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Thành